

**NGHỊ QUYẾT**

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 23**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  
*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*  
*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 22 tháng 6 năm 2015;*  
*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;*  
*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*  
*Căn cứ Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;*  
*Xét Tờ trình số 172/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

1. Sửa đổi, bổ sung tiết (-) thứ nhất, điểm b, khoản 3, như sau:

“- Đến năm 2025:

+ Xây dựng 15 mô hình hợp tác xã và 03 liên hiệp hợp tác xã được đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng và phát triển toàn diện, hoạt động hiệu quả.

+ Xây dựng 01 mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp.

+ Xây dựng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, tối đa hóa việc tái tạo và tận dụng phế phẩm trong nông nghiệp.

+ Hỗ trợ hợp tác xã đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa gắn với đầu tư hệ thống kho tạm trữ, bảo quản, sơ chế, chế biến.

+ Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ định hướng vùng sản xuất nông nghiệp.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Nhu cầu và nguồn vốn đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án giai đoạn 2021 - 2025 là 618.826 triệu đồng (không bao gồm kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ đào tạo và đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể không tham gia Đề án). Trong đó:

a) Lồng ghép nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 85.000 triệu đồng gồm:

- Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: 11.500 triệu đồng;
- Vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định về đất trồng lúa: 26.600 triệu đồng;
- Vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 46.900 triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương: 389.926 triệu đồng gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 316.126 triệu đồng.
- Vốn sự nghiệp: 73.800 triệu đồng.

c) Vốn tư nhân, HTX, doanh nghiệp: 143.900 triệu đồng.”

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang.

*(Đính kèm Phụ lục chi tiết)*

**Điều 2. Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo và đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể**

1. Mức hỗ trợ đào tạo: Chi hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên là thành viên, người lao động kinh tế tập thể bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo.

2. Mức hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: Mức hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

3. Các nội dung hỗ trợ khác không quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các nội dung quy định về cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Trung ương, địa phương.

**4. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

a) Đối với 15 mô hình hợp tác xã và 03 mô hình liên hiệp hợp tác xã trong Đề án: Sử dụng nguồn ngân sách tỉnh phân bổ cho Đề án.

b) Đối với các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác trên địa bàn tỉnh: Sử dụng nguồn ngân sách tỉnh.

**Điều 3. Quy định chuyển tiếp**

1. Các nội dung đang triển khai theo Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020, Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh mà chưa thực hiện chi hỗ trợ thì thực hiện theo Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản có liên quan được viện dẫn thực hiện trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

**Điều 4.** Bãi bỏ Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.KX

**CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Huyền**



## Phụ lục

# Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 được thông qua tại Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

**1. Bổ sung một số nội dung tại khoản 1, khoản 2, Mục II phần Mở đầu, như sau:**

## “II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

### 1. Văn bản của Trung ương

- Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023.
- Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định số 556/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tầm nhìn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.
- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.
- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025.
- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

## 2. Văn bản của Tỉnh

- Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.

- Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 1).

- Chương trình số 123-CTr/TU ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị.

- Chương trình số 140-CTr/TU ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Chương trình số 274-CTr/TU ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050.”

## 2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Mục I Phần IV, như sau:

### “a) Đến năm 2025

(1) Xây dựng 15 mô hình HTX và 03 liên hiệp HTX được đầu tư đồng bộ về kết cấu hạ tầng, máy móc, thiết bị và phát triển toàn diện, hoạt động hiệu quả. Cụ thể một số chỉ tiêu HTX cần đạt như sau:

- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt từ 2 tỷ đồng/HTX/năm trở lên; lợi nhuận trước thuế đạt tương ứng 10% doanh thu/năm.

- HTX có từ 50% thành viên trở lên áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến (sản xuất theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP), tiêu chuẩn hữu cơ,...) và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất (máy móc, thiết bị cơ giới hóa, hệ thống tưới tiêu hiện đại,...) giúp nâng cao thu nhập từ 1,5 đến 2 lần so với năm 2020.

- HTX có tỷ lệ giá trị sản phẩm chủ lực được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt ít nhất 70%.

- HTX xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm chủ lực, có logo, tem nhãn, bao bì hoàn chỉnh; mỗi HTX có ít nhất 01 sản phẩm theo tiêu chuẩn của chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm) đạt chuẩn 3 sao trở lên (sau đây gọi tắt là sản phẩm OCOP); HTX có website hoặc giới thiệu thông tin của HTX trên website của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và đưa sản phẩm của HTX lên các sàn thương mại điện tử.

- Mỗi HTX có ít nhất 01 thành viên Ban Giám đốc và kế toán có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ cao đẳng trở lên và 100% thành viên HTX được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ thuật.

(2) Xây dựng 01 mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp.

(3) Xây dựng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, tối đa hóa việc tái tạo và tận dụng phế phẩm trong nông nghiệp để tạo thêm sản phẩm mới.

(4) Hỗ trợ hợp tác xã ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa gắn với đầu tư hệ thống kho tạm trữ, bảo quản, sơ chế và chế biến.

(5) Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ sản xuất nông nghiệp.”

### **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục II Phần IV như sau:**

#### **“1. Nhiệm vụ cụ thể:**

#### ***1.1. Hỗ trợ phát triển toàn diện 15 mô hình hợp tác xã (HTX) và 03 mô hình liên hiệp HTX (sau đây gọi chung là HTX).***

- Hỗ trợ HTX về tổ chức hoạt động và nâng cao năng lực, nhận thức cho HTX đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tập thể và sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hỗ trợ HTX đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm.

- Hỗ trợ HTX ứng dụng khoa học, công nghệ, các mô hình sản xuất hiệu quả; áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn; thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm của HTX và kiểm soát an toàn thực phẩm đối với nông sản, thủy sản.

- Hỗ trợ HTX liên kết, phát triển sản phẩm OCOP, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường.

- Hỗ trợ HTX thực hiện chuyển đổi số.

***1.2. Xây dựng 03 mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn, trong đó các phụ phẩm trong quá trình sản xuất được tận dụng để tạo ra một sản phẩm khác phục vụ trở lại cho sản xuất trong mô hình. Đồng thời, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước và năng lượng.***

#### ***1.3. Hỗ trợ ứng dụng cơ giới hóa***

- Trang bị máy móc, thiết bị, phương tiện cho Tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa phục vụ các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

- Hỗ trợ HTX đầu tư hệ thống kho tạm trữ, bảo quản, sơ chế, chế biến lúa gạo và mua sắm máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa.

#### 1.4. Hỗ trợ tín dụng cho HTX

- Hỗ trợ HTX tiếp cận và vay các nguồn tín dụng ưu đãi từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX và các ngân hàng trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các HTX.

#### 1.5. Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhượng phục vụ sản xuất nông nghiệp.”

### 4. Sửa đổi, bổ sung tiết a điểm 2.1, điểm 2.3, 2.4 khoản 2 Mục II Phần IV như sau:

#### “2.1. Nhóm giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho HTX

a) *Đưa lao động trẻ có trình độ từ cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX:*

Mỗi HTX được chọn tham gia đề án sẽ được hỗ trợ thuê 02 lao động trẻ có trình độ từ cao đẳng trở lên về làm việc tại HTX trong thời hạn 03 năm để giúp HTX thực hiện công tác quản lý, kế toán, kỹ thuật, thương mại,…”

#### “2.3. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

##### 2.3.1. *Hỗ trợ phát triển toàn diện 15 mô hình HTX và 03 mô hình liên hiệp HTX*

a) Hỗ trợ thành lập và củng cố HTX: Hỗ trợ thành lập mới 5 HTX, 3 liên hiệp HTX và củng cố 10 HTX theo chính sách quy định tại mục 1 chương II Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho HTX, liên hiệp HTX

- Hỗ trợ mỗi HTX, liên hiệp HTX tham gia đề án thuê 02 lao động trẻ có trình độ từ cao đẳng trở lên với chuyên môn phù hợp về làm việc tại HTX, tối đa 36 tháng/người. Mức lương hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, nhưng không vượt quá ngày 31/12/2025.

- Hỗ trợ đào tạo trình độ từ cao đẳng trở lên đối với thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các HTX, liên hiệp HTX: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo.

- Hỗ trợ bồi dưỡng đối với thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các HTX, liên hiệp HTX: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc; hỗ trợ kinh phí đi lại từ trụ sở đến nơi học tập (trừ vé máy bay), tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ theo quy định tại Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

## c) Hỗ trợ sản xuất

- Hỗ trợ các HTX thực hiện các mô hình sản xuất hiệu quả theo chính sách được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang. Tổng kinh phí hỗ trợ đến năm 2025 tối đa không quá 54.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ các HTX áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn theo chính sách quy định tại Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Tổng kinh phí hỗ trợ đến năm 2025 tối đa không quá 3.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm chuỗi liên kết của HTX, liên hiệp HTX. Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2025 tối đa không quá 3.240 triệu đồng.

## d) Hỗ trợ liên kết, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết sản xuất và tiêu thụ cho 03 liên hiệp HTX theo chính sách được quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Hỗ trợ 100% kinh phí bao bì, nhãn mác sản phẩm của HTX, liên hiệp HTX. Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2025 tối đa không quá 360 triệu đồng.

- Hỗ trợ 100% kinh phí cho HTX, liên hiệp HTX xây dựng thương hiệu, chứng nhận nhãn hiệu và xây dựng bộ nhận diện HTX. Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2025 tối đa không quá 3.240 triệu đồng.

- Hỗ trợ 100% kinh phí phát triển sản phẩm OCOP của HTX. Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2025 tối đa không quá 7.500 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí cho HTX, liên hiệp HTX thuê gian hàng tham gia xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong nước. Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2025 tối đa không quá 810 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí thuê, vận hành điểm giới thiệu, bán sản phẩm cho HTX, liên hiệp HTX, tối đa 12 tháng/HTX, liên hiệp HTX nhưng không vượt quá ngày 31/12/2025, mức hỗ trợ hàng tháng tối đa không quá 5 triệu đồng/HTX, liên hiệp HTX.

## đ) Hỗ trợ chuyển đổi số và tư vấn ứng dụng khoa học công nghệ

- Hỗ trợ kinh phí cho HTX, liên hiệp HTX thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất, kinh doanh. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/HTX, liên hiệp HTX.

- Hỗ trợ kinh phí tư vấn về khoa học - công nghệ cho các HTX, liên hiệp HTX. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/HTX, liên hiệp HTX.

e) Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm

- Nội dung và định mức hỗ trợ:

+ Đối với liên hiệp HTX: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí xây dựng hạ tầng và 50% kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư cho 03 mô hình liên hiệp HTX tối đa không quá 18.000 triệu đồng.

+ Đối với HTX: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế, chế biến, xây dựng, nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi, giao thông nội đồng, xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản; và hỗ trợ đầu tư 50% kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư cho 15 mô hình HTX tối đa không quá 187.500 triệu đồng.

- Cơ chế quản lý sau đầu tư: Hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của HTX. Hợp tác xã phải xây dựng phương án quản lý, sử dụng hiệu quả; tự trang trải kinh phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đã tiến hành đăng ký thành lập quản lý.

g) Chính sách đất đai

Tạo điều kiện thuận lợi để các HTX, liên hiệp HTX chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp nhu cầu phát triển theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

### ***2.3.2. Chính sách thí điểm xây dựng mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn***

- Xây dựng thí điểm 03 mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn, quy mô tối thiểu 01 ha/mô hình.

- Nội dung và định mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tối đa 50% giống, vật tư thiết yếu, thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, đóng gói, bảo quản (bao gồm máy móc, dụng cụ), xây dựng và lắp đặt hệ thống nuôi, trồng, sơ chế, bảo quản sản phẩm (nhà lưới, nhà kính, nhà bao che khu vực sản xuất, bảo quản sản phẩm; ao/bể ương, nuôi thủy sản và hệ thống cấp thoát nước; giàn/kệ/trụ trồng nấm). Tổng kinh phí hỗ trợ đến năm 2025 tối đa không quá 6.000 triệu đồng.

+ Hỗ trợ 100% kinh phí chứng nhận tiêu chuẩn (GAP, an toàn dịch bệnh,...); truy xuất nguồn gốc; bao bì, nhãn mác; tập huấn, hội thảo đánh giá, tổng kết, nhân rộng mô hình. Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2025 tối đa không quá 2.250 triệu đồng.

### **2.3.3. Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp**

- Xây dựng mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp:

+ Ngân sách Nhà nước đầu tư 100% kinh phí mua sắm các loại máy móc nông nghiệp, thiết bị, phương tiện cần thiết cho Tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa để phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa sẽ do cấp có thẩm quyền quyết định giao cho Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh Hậu Giang hoặc đơn vị, tổ chức thích hợp quản lý, khai thác, vận hành các máy móc, phương tiện, thiết bị được đầu tư để phục vụ cho các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, HTX có nhu cầu.

+ Ngân sách Nhà nước đầu tư 100% kinh phí xây dựng kho chứa máy móc, thiết bị, phương tiện của Tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Hỗ trợ hợp tác xã đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa; đầu tư hệ thống kho tạm trữ, sơ chế lúa gạo: Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí xây dựng hệ thống kho tạm trữ, sơ chế lúa gạo và hỗ trợ đầu tư 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa. Tổng kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư đến năm 2025 tối đa không quá 61.000 triệu đồng.

### **2.3.4. Chính sách hỗ trợ tín dụng**

- Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã đến năm 2025 là 100.000 triệu đồng. Trường hợp vốn đầu tư phân bổ cho giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện các chính sách hỗ trợ còn dôi dư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển phần vốn dư bổ sung thêm cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

- Hỗ trợ cho HTX tiếp cận và vay vốn ưu đãi từ Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hậu Giang theo quy định của Quỹ.

- Hỗ trợ 70% tiền lãi suất vay trong hạn khi vay vốn ở Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hậu Giang và các ngân hàng (gọi chung là đơn vị cho vay) để đầu tư phát triển nông nghiệp. Mức trần lãi suất tính hỗ trợ bằng mức lãi suất cho vay của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tại thời điểm hỗ trợ. Thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký với đơn vị cho vay nhưng không vượt quá ngày 31/12/2025; không hỗ trợ lãi suất đối với thời gian gia hạn nợ.

### **2.3.5. Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ sản xuất nông nghiệp**

Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ định hướng vùng sản xuất nông nghiệp tỉnh Hậu Giang. Ngân sách nhà nước đầu tư 100%.

2.3.6. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản có liên quan được viện dẫn thực hiện trong đề án này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

## 2.4. Nhóm giải pháp về tài chính

Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

### a) Đối với nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ

Trong quá trình xây dựng kế hoạch hàng năm kết hợp lồng ghép sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để đầu tư, hỗ trợ thực hiện các chính sách của Đề án. Cụ thể:

- Nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: Hỗ trợ bồi dưỡng đối với thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các HTX; hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP.

- Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định về đất trồng lúa: Hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất hiệu quả, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn trong sản xuất lúa.

- Nguồn vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo công trình thủy lợi, giao thông nội đồng; xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản phục vụ vùng sản xuất của các HTX.

### b) Đối với nguồn ngân sách tỉnh

- Sử dụng vốn đầu tư và phát triển từ các nguồn phù hợp để thực hiện các nội dung: Bổ sung vốn cho Quỹ hỗ trợ phát triển HTX; đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và hỗ trợ mô hình HTX phát triển toàn diện, hoạt động hiệu quả; dự án đầu tư máy móc nông nghiệp, thiết bị, phương tiện cho Tổ cung ứng dịch vụ cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp; các dự án đầu tư xây dựng kho tạm trữ, sơ chế lúa gạo và mua sắm máy móc và thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng.

- Sử dụng vốn sự nghiệp để hỗ trợ thực hiện các nội dung: Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Chỉ đạo tỉnh; hỗ trợ thành lập và củng cố HTX; hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho HTX; hỗ trợ thực hiện các mô hình sản xuất hiệu quả, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn trong sản xuất cây ăn trái và thủy sản; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm của HTX và kiểm soát an toàn thực phẩm chuỗi liên kết; hỗ trợ liên kết, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường; hỗ trợ lãi suất vay; hỗ trợ thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

### c) Đối với nguồn vốn tư nhân (HTX, doanh nghiệp)

Vốn tư nhân thực hiện chi trả các khoản đóng góp theo quy định cho 02 lao động được bố trí về làm việc tại HTX; đối ứng thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp, mô hình kinh tế tuần hoàn, mua sắm máy móc, thiết bị.”

### d) Đối với nguồn vốn tín dụng

Huy động nguồn vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX và nguồn vốn của các Ngân hàng thương mại, Ngân hàng chính sách thực hiện ưu tiên hỗ trợ vốn vay

cho các HTX, doanh nghiệp, hộ dân để phát triển sản xuất, kinh doanh, đầu tư hạ tầng, thiết bị.

**5. Sửa đổi, bổ sung Mục III Phần IV như sau:**

**“III. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VÀ HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ**

(1) Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã.

(2) Dự án xây dựng mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp.

(3) Dự án hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa; đầu tư hệ thống kho tạm trữ, bảo quản, sơ chế, chế biến lúa gạo cho hợp tác xã.

(4) Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

(5) Hỗ trợ xây dựng thí điểm mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp.

(6) Hoạt động hỗ trợ tín dụng và tiếp cận các nguồn vốn tín dụng cho hợp tác xã.

(7) Hoạt động xúc tiến liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản tỉnh Hậu Giang.

(8) Hoạt động khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và lựa chọn các hợp tác xã đáp ứng tiêu chí đầu vào để tham gia đề án và vận động, thúc đẩy thành lập 03 liên hiệp hợp tác xã; đánh giá hiệu quả hoạt động và mức độ đáp ứng tiêu chí đầu ra.

(9) Hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung và kết quả thực hiện đề án.

(10) Dự án xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng phục vụ định hướng vùng sản xuất nông nghiệp tỉnh Hậu Giang.”

**6. Sửa đổi, bổ sung Mục IV Phần IV như sau:**

**“IV. KHÁI TOÁN TỔNG NHU CẦU VỐN**

**1. Nhu cầu và nguồn vốn đầu tư**

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án giai đoạn 2021 - 2025 là 618.826 triệu đồng. Trong đó:

a) Lòng ghép nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: 85.000 triệu đồng, gồm:

- Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: 11.500 triệu đồng;
- Vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định về đất trồng lúa: 26.600 triệu đồng;
- Vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 46.900 triệu đồng.

b) Ngân sách địa phương: 389.926 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư phát triển: 316.126 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp: 73.800 triệu đồng.

c) Vốn tư nhân, HTX, doanh nghiệp: 143.900 triệu đồng.

## 2. Phân kỳ đầu tư

- Năm 2021: 4.379 triệu đồng.
- Năm 2022: 28.500 triệu đồng.
- Năm 2023: 274.400 triệu đồng.
- Năm 2024: 265.590 triệu đồng.
- Năm 2025: 45.957 triệu đồng.”

## **7. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Mục VI Phần IV như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm 3.1 như sau:

### “3.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện đề án giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hàng năm.

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì theo kế hoạch của UBND tỉnh. Tổng hợp đề xuất danh mục dự án đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 và hàng năm; tổng hợp đề xuất nhu cầu vốn thực hiện hàng năm; tham gia thẩm định danh mục, dự án đầu tư cho các hợp tác xã. Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện đề án; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện đề án báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung, xây dựng mới các chính sách thuộc thẩm quyền UBND, HĐND tỉnh, bảo đảm cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra của đề án.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm 3.7 như sau:

### “3.7. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương thực hiện tuyên truyền về nội dung đề án và các hoạt động của đề án trong quá trình triển khai thực hiện. Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong nông nghiệp.”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm 3.12 như sau:

### “3.12. Liên minh hợp tác xã tỉnh

- Chủ trì triển khai các chính sách hỗ trợ tín dụng đối với HTX giai đoạn 2021 - 2025; chủ động giải ngân nguồn vốn tín dụng cho các HTX từ Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở ngành liên quan xây dựng kế

hoạch và thực hiện các nội dung hỗ trợ liên kết, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường; tư vấn, hỗ trợ cho HTX trong hoạt động và phát triển; đào tạo, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các HTX.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan khảo sát, lựa chọn và xây dựng toàn diện 15 HTX, 03 Liên hiệp HTX; vận động HTX tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng và tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, kết nối với hệ thống tiêu thụ trong và ngoài nước.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường các hoạt động triển khai, hướng dẫn HTX tiếp cận các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX trên địa bàn tỉnh.

- Huy động các nguồn lực và kinh phí để đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ HTX, như: đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản trị HTX, chuyển giao công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị trong sản xuất, chế biến cho các HTX; xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm 3.15 như sau:

“3.15. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

- Triển khai tuyên truyền và tổ chức thực hiện đề án trên địa bàn quản lý.
- Lựa chọn, đề xuất hợp tác xã đáp ứng tiêu chí đầu vào đăng ký tham gia đề án.
- Chủ trì thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng cho các hợp tác xã trên địa bàn tham gia đề án; xây dựng kế hoạch và thực hiện các nội dung hỗ trợ sản xuất cho hợp tác xã và các thành viên hợp tác xã, đảm bảo đạt hiệu quả và các tiêu chí đầu ra đến năm 2025.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các sở ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tốt các nội dung đề án.”

**8. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Đề án.**

**9. Bãi bỏ Phụ lục 3, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Đề án.**

## Phụ lục 1

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ ĐẦU RA  
MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ ĐIỂM TỈNH HẬU GIANG**

TIÊU CHÍ	CHUẨN ĐẦU VÀO	TIÊU CHÍ ĐẦU RA ĐẾN 2025
<b>1. Tiêu chí 01. Hoạt động theo Luật HTX</b>		
<b>1.1 Công tác tổ chức</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HTX đăng ký theo đúng Luật HTX năm 2012.</li> <li>- 50% các HTX cấp giấy chứng nhận vốn góp cho thành viên.</li> <li>- 50% HTX tổ chức đại hội thường niên đúng quy định.</li> <li>- 30% thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán HTX được tập huấn kiến thức quản lý, điều hành HTX.</li> <li>- 30% thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán HTX tốt nghiệp phổ thông trung học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HTX đăng ký theo đúng Luật HTX năm 2023.</li> <li>- 100% thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn được cấp giấy chứng nhận góp vốn.</li> <li>- HTX tổ chức đại hội thường niên đúng quy định.</li> <li>- 90% thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán HTX được tập huấn kiến thức quản lý, điều hành HTX.</li> <li>- 80% thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán HTX tốt nghiệp trung học phổ thông.</li> <li>- Ít nhất 50% thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên.</li> </ul>
<b>1.2 Trích lập các quỹ theo quy định</b>	<p>Tỷ lệ trích lập các loại Quỹ tính trên tổng thu nhập (lợi nhuận sau thuế), áp dụng đối với trường hợp củng cố HTX:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quỹ đầu tư phát triển 20% trên tổng thu nhập;</li> <li>- Quỹ dự phòng tài chính 5% trên tổng thu nhập;</li> <li>- Khuyến khích trích lập các quỹ khác do HTX quyết định (quỹ đào tạo, quỹ phúc lợi...)</li> </ul>	<p>Trích lập quỹ chung không chia tối thiểu 5% đối với HTX và 10% đối với liên hiệp HTX (cả nội bộ và ngoài)</p>
<b>2. Tiêu chí 02. Về sản xuất</b>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 10-20% thành viên HTX có cam kết áp dụng đồng bộ tiến bộ khoa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 50% thành viên HTX trở lên áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến</li> </ul>

	<p>học và công nghệ trong sản xuất như: máy móc, thiết bị, cơ giới trong sản xuất, kinh doanh; áp dụng kỹ thuật tưới tiêu hiện đại trong canh tác; tổ chức cho thành viên sản xuất theo quy trình GAP, hữu cơ và thực hiện chứng nhận truy xuất nguồn gốc.</p> <p>- 5-10% diện tích sản xuất của thành viên có liên kết sản xuất theo chuỗi, có hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ với doanh nghiệp/thành viên.</p>	<p>(sản xuất theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP), tiêu chuẩn hữu cơ,...) và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất (máy móc, thiết bị cơ giới hóa, hệ thống tưới tiêu hiện đại,...) giúp nâng cao thu nhập từ 1,5 đến 2 lần so với năm 2020.</p> <p>- 70% giá trị sản phẩm chủ lực của HTX được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết.</p> <p>- HTX có ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên.</p>
<b>3. Tiêu chí 03. Về trụ sở, hạ tầng phục vụ sản xuất</b>		
	<p>- HTX có bảng tên của HTX.</p>	<p>- HTX được hỗ trợ đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, đường giao thông nội đồng, máy móc, thiết bị...</p> <p>- HTX có trụ sở hoạt động và có bảng tên của HTX.</p> <p>- HTX có nhà xưởng, nhà kho và hạ tầng hỗ trợ việc sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, trữ nông sản cho thành viên và nông dân trong vùng.</p>
<b>4. Tiêu chí 04. HTX tiếp cận nguồn vốn</b>		
		<p>- HTX được hỗ trợ vay vốn từ quỹ hỗ trợ phát triển HTX và các nguồn vốn hỗ trợ khác.</p>
<b>5. Tiêu chí 05. Hiệu quả hoạt động:</b>		
	<p>- HTX thực hiện ít nhất 02 dịch vụ.</p> <p>- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt từ 1 tỷ đồng/HTX/năm (trừ HTX mới lập).</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế đạt tương ứng 5% doanh thu/năm hoặc HTX chứng minh HTX đã mang lại lợi nhuận cho thành viên ít nhất 5% doanh thu/năm, hoặc HTX chứng minh HTX đã mang lại lợi ích cho thành viên thông qua các hoạt động của HTX.</p>	<p>- HTX thực hiện ít nhất 05 dịch vụ gồm cả 02 nhóm dịch vụ nông nghiệp và phi nông nghiệp.</p> <p>- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt từ 2 tỷ đồng/HTX/năm trở lên.</p> <p>- Lợi nhuận trước thuế đạt tương ứng 10% doanh thu/năm hoặc HTX chứng minh HTX đã mang lại lợi nhuận cho thành viên ít nhất 10% doanh thu/năm, hoặc HTX chứng minh HTX đã mang lại lợi ích cho thành viên thông qua các hoạt động của HTX.</p>

		- HTX hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.
<b>6. Tiêu chí 06. Quy mô thành viên</b>		
	- Số lượng ít nhất 30 thành viên	- Thành viên chính thức tăng tối thiểu 10% so với khi được xét chọn tham gia Đề án. - Số thành viên liên kết ít nhất: 60 thành viên.
<b>7. Tiêu chí 07. Vốn hoạt động của hợp tác xã</b>		
	- Số vốn điều lệ thực góp ít nhất 120 triệu.	- Số vốn điều lệ thực góp ít nhất 500 triệu. - Vốn kinh doanh HTX ít nhất 2 tỷ đồng. - Vốn chủ sở hữu HTX (gồm cả nguồn vốn tài trợ): ít nhất 10 tỷ đồng. - HTX thực hiện được hình thức hùn vốn theo từng dịch vụ.
<b>8. Tiêu chí 08: Lợi ích của các thành viên hợp tác xã</b>		
	- HTX có cung cấp dịch vụ phi nông nghiệp cho thành viên	- HTX có cung cấp dịch vụ phi nông nghiệp và các dịch vụ liên quan đời sống cho thành viên. - HTX tổ chức được các hoạt động dịch vụ tuy không mang lại lợi nhuận nhưng đảm bảo không lỗ vốn của HTX và mang lại nhiều thuận lợi và lợi ích cho thành viên và cộng đồng trong sản xuất và đời sống.

**Phụ lục 2**  
**Bảng khái toán vốn**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí giai đoạn 2021 - 2025	Trong đó							
			Lồng ghép vốn NSTW hỗ trợ				Ngân sách địa phương			Vốn HTX, doanh nghịệp
			Tổng vốn NSTW hỗ trợ	<i>Vốn thực hiện Chương trình MTQG</i>	<i>Vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định về đất trồng lúa</i>	<i>Vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi</i>	Tổng vốn NSDP	<i>Vốn đầu tu phát triển</i>	<i>Vốn sự nghịệp</i>	
(a)	(b)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	<b>TỔNG KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (1+2+3+4+5+6+7)</b>	<b>618.826</b>	<b>85.000</b>	<b>11.500</b>	<b>26.600</b>	<b>46.900</b>	<b>389.926</b>	<b>316.126</b>	<b>73.800</b>	<b>143.900</b>
1	Chính sách hỗ trợ phát triển toàn diện 15 mô hình HTX và 03 liên hiệp HTX	384.007	85.000	11.500	26.600	46.900	203.107	143.227	59.880	95.900
1.1	Hỗ trợ thành lập và củng cố HTX, liên hiệp HTX	1.650	-	-	-	-	1.650	-	1.650	-

STT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí giai đoạn 2021 - 2025	Trong đó							
			Lồng ghép vốn NSTW hỗ trợ				Ngân sách địa phương			Vốn HTX, doanh nghiep
			Tổng vốn NSTW hỗ trợ	Vốn thực hiện Chương trình MTQG	Vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định về đất trồng lúa	Vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Tổng vốn NSDP	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiep	
(a)	(b)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.2	Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho HTX, liên hiệp HTX	21.500	4.000	4.000	-	-	15.500	-	15.500	2.000
1.3	Hỗ trợ sản xuất	114.240	26.600	-	26.600	-	33.640	-	33.640	54.000
1.4	Hỗ trợ liên kết, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường	13.890	7.500	7.500	-	-	6.390	-	6.390	-
1.5	Hỗ trợ chuyển đổi số	1.800					1.800		1.800	
1.6	Hỗ trợ kinh phí tư vấn ứng dụng khoa học công nghệ cho HTX, liên hiệp HTX	900					900		900	

STT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí giai đoạn 2021 - 2025	Trong đó							
			Lồng ghép vốn NSTW hỗ trợ				Ngân sách địa phương			Vốn HTX, doanh nghiệp
			Tổng vốn NSTW hỗ trợ	Vốn thực hiện Chương trình MTQG	Vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định về đất trồng lúa	Vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Tổng vốn NSDP	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
(a)	(b)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.7	Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm	230.027	46.900	-	-	46.900	143.227	143.227	-	39.900
2	Chính sách thí điểm xây dựng mô hình kinh tế nông nghiệp tuần hoàn	14.520					8.520	-	8.520	6.000
3	Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp	128.899	-	-	-	-	86.899	86.899	-	42.000
3.1	Xây dựng mô hình cung ứng dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp	25.927					25.927	25.927		

STT	Nội dung thực hiện	Tổng kinh phí giai đoạn 2021 - 2025	Trong đó							
			Lồng ghép vốn NSTW hỗ trợ				Ngân sách địa phương			Vốn HTX, doanh nghiệp
			Tổng vốn NSTW hỗ trợ	Vốn thực hiện Chương trình MTQG	Vốn hỗ trợ thực hiện Nghị định về đất trồng lúa	Vốn hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	Tổng vốn NSDP	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp	
(a)	(b)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3.2	Hỗ trợ hợp tác xã đầu tư máy móc, thiết bị cơ giới hóa trong sản xuất lúa; đầu tư hệ thống kho tạm trữ, bảo quản, sơ chế và chế biến lúa gạo	102.972	-	-	-	-	60.972	60.972	-	42.000
4	Chính sách hỗ trợ tín dụng	85.000					85.000	80.000	5.000	
5	Xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng	6.000	-				6.000	6.000		
6	Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh	100	-				100		100	
7	Tuyên truyền, phổ biến nội dung và kết quả thực hiện đề án	300	-				300		300	